TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ AN NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/DSST
Ngày: 16-01-2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hồng Ngọc

2. Ông Lê Minh Chiến

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Mai Đoan Thục – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Đồng Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số195/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1977/2022/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022:

* *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số nhà 01 đường P, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Bị đơn:* Chị Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số nhà 128 đường H, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Võ Thành T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà 128 đường H, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị Đ trình bày*: Bà không

có mối quan hệ họ hàng với vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M, khoảng từ năm 2020 cả gia đình của M đến phòng gym của bà để tập nên quen biết nhau. Bà không cho vay tiền nhưng thấy vợ chồng chị M hiền lành dễ thương nên khi vợ chồng chị M hỏi bà vay tiền thì bà cho vợ chồng chị M vay tiền 3 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 21/5/2021 vay số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) mục đích vay để trả tiền vay bạc cao, lúc vay tiền bà có nói với chị M tiền lãi muốn đưa bao nhiêu đưa, không có thỏa thuận tiền lãi trả nhưng thời gian vay chỉ 1-2 tháng là phải trả cho bà tiền vay gốc. M trực tiếp viết giấy nợ và ký tên.

Lần 2: Ngày 21/10/2021 vay tiếp số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) mục đích vay để mua máy mở xưởng may, bà có thỏa thuận thời gian vay 1-2 tháng là phải trả tiền vay gốc cho bà còn tiền lãi thì muốn trả bao nhiêu thì trả, bà chủ yếu giúp chứ không phải cho vay. Chị M trực tiếp viết giấy nợ và vợ chồng M -T cùng ký tên.

Lần 3: Ngày 29/9/2022 âm lịch vay tiếp số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) để đáo hạn ngân hàng, bà không có tiền nên vay lại của người khác với mức lãi suất 6%/tháng để đưa cho chị M, chị M trực tiếp viết giấy nợ và ký tên.

Tổng cộng 3 lần vay số tiền vay gốc là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Ngoài ra còn có những lần vợ chồng chị M vay lắt nhắt có khi 1.000.000đ, 2.000.000đ hoặc 3.000.000đ nhưng không viết giấy tờ và bà cũng không yêu cầu giải quyết đối với các khoản tiền này.

Thời gian nào bà không nhớ vợ chồng anh T trực tiếp trả cho bà số tiền vay gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng), đến ngày 19/10/2022 chị Võ Thị Ngọc M viết lại giấy nợ số tiền vay gốc 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Còn tiền lãi thì chị M chuyển khoản trả qua tài khoản tại số 0431000204885 đứng tên chủ tài khoản Đặng Thị Đ tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh thị xã An Nhơn. Các chứng từ chuyển khoản qua phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thể hiện M chuyển khoản trả cho bà là 60.000.000đ nhưng trong đó có số tiền 10.000.000đ M chuyển khoản cho bà vào ngày 24/10/2022 là tiền của bà đưa cho chị M nhờ chuyển vào tài khoản của bà chứ không phải tiền chị M chuyển khoản trả tiền lãi và chị M không có lần nào trả tiền lãi trực tiếp cho bà. Bà chấp nhận tiền lãi chị M chuyển khoản trả cho bà là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, bà yêu cầu vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Thành T trả cho bà một lần số tiền vay gốc còn nợ là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) trong thời gian 01 tháng thì bà không yêu cầu tính tiền lãi. Nếu vợ chồng chị M, anh T trả chậm thì yêu cầu tính tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 2%/tháng. Bà không yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã trả trước đây.

* *Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn chị Võ Thị Ngọc M trình bày*: Chị và bà Đặng Thị Đ không có mối quan hệ họ hàng, do bà Đ mở phòng gym, chị đến tập gym nên quen biết

nhau. Vợ chồng chị vay tiền của bà Đặng Thị Đ 03 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 21/5/2021 vay số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) không có thỏa thuận thời hạn trả, khi nào bà Đ cần tiền thì báo trước chị 01 tháng để trả tiền vay gốc; lãi suất là 5%/tháng, chị trực tiếp viết giấy nợ và ký tên.

Lần 2: Ngày 21/10/2021 vay tiếp số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) không có thỏa thuận thời hạn trả, khi nào bà Đ cần tiền thì báo trước chị 01 tháng để trả tiền vay gốc, lãi suất là 5%/tháng, chị trực tiếp viết giấy nợ và vợ chồng (Võ Thị Ngọc M -Võ Thành T) cùng ký tên.

Lần 3: Ngày 29/9/2022 âm lịch (tức ngày 24/10/20022 dương lịch) vay tiếp số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) hẹn thời hạn trả tiền vay gốc là 15 ngày, lãi suất là 6%/tháng, chị trực tiếp viết giấy nợ và ký tên.

Ngoài ra không còn lần vay tiền nào khác, vợ chồng chị vay tiền của bà Đ 03 lần tổng cộng tiền vay gốc là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng).

Ngày 25/5/2022 anh Võ Thành T đã trả cho bà Đ 10.000.000đ tiền vay gốc nên còn nợ lại là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng). Đến ngày 15/10/2022 âm lịch bà Đ đến nhà chị đòi nợ, chị xin 4 ngày sau trả nên đã viết lại 01 giấy nợ chốt số tiền còn nợ là 260.000.000đ hẹn trả vào ngày 19/10/2022 âm lịch.

Vợ chồng chị nhiều lần chuyển khoản trả tiền lãi qua tài khoản của bà Đ số tài khoản 0431000204885 đứng tên chủ tài khoản Đặng Thị Đ tại ngân hàng Vietcombank chi nhánh thị xã An Nhơn trả số tiền lãi là 60.000.000đ. Cụ thể:

Vào lúc 16:04:18 ngày 16/9/2021 chuyển khoản 5.000.000đ

Vào lúc 11:21:12 ngày 23/9/2021 chuyển khoản 10.000.000đ

Vào lúc 18:22:38 ngày 28/9/2021 chuyển khoản 3.000.000đ

Vào lúc 15:57:23 ngày 11/10/2021 chuyển khoản 3.000.000đ

Vào lúc 20:45:24 ngày 27/11/2021 chuyển khoản 7.000.000đ

Vào lúc 16:53:41 ngày 29/11/2021 chuyển khoản 2.500.000đ

Vào lúc 07:11:13 ngày 14/12/2021 chuyển khoản 2.000.000đ

Vào lúc 10:24:54 ngày 06/3/2022 chuyển khoản 2.500.000đ

Vào lúc 09:22:18 ngày 04/3/2022 chuyển khoản 5.000.000đ

Vào lúc 10:34:37 ngày 18/8/2022 chuyển khoản 2.000.000đ

Vào lúc 15:48:17 ngày 12/9/2022 chuyển khoản 1.000.000đ

Vào lúc 16:09:37 ngày 17/9/2022 chuyển khoản 1.000.000đ

Vào lúc 17:14:20 ngày 27/9/2022 chuyển khoản 1.000.000đ

Vào lúc 07:39:30 ngày 12/10/2022 chuyển khoản 1.000.000đ

Vào lúc 09:59:16 ngày 24/10/2022 chuyển khoản 10.000.000đ

Vào lúc 21:28:03 ngày 31/8/2022 chuyển khoản 4.000.000đ số tài khoản 1020043262 đứng tên Lê Quỳnh L là con gái của bà Đ

Ngoài ra chị còn trả tiền lãi trực tiếp cho bà Đ nhưng bà Đ không viết giấy biên nhận và chị không có chứng cứ.

Tại phiên tòa, chị xác định vợ chồng chị hiện còn nợ bà Đặng Thị Đ số tiền vay gốc là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng), số tiền lãi đã trả theo thỏa thuận thì chị không yêu cầu xem xét lại và xin không tiếp tục trả tiền lãi. Hiện tại vợ chồng chị khó khăn, chị không có việc làm nên số tiền vay gốc 260.000.000đ thì vợ chồng chị xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ và khi có thu nhập nhiều hơn thì vợ chồng chị trả nhiều hơn.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Thành T trình bày:* Anh thống nhất theo chị Võ Thị Ngọc M trình bày về các lần vay số tiền của bà Đặng Thị Đ, tổng cộng số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Ngày 25/5/2022 anh trực tiếp đến trả cho bà Đ số tiền vay gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng), còn tiền lãi thì do vợ trực tiếp trả và chuyển khoản cho bà Đặng Thị Đ số tiền bao nhiêu anh không rõ.

Tại phiên tòa, anh xác định vợ chồng anh hiện còn nợ bà Đặng Thị Đ số tiền vay gốc là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng), anh thống nhất theo yêu cầu của chị M không có yêu cầu xem xét lại tiền lãi đã trả theo thỏa thuận và xin không tiếp tục trả tiền lãi. Hiện tại vợ chồng anh khó khăn, anh không có việc làm nên tiền vay gốc 260.000.000đ thì vợ chồng anh xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ và khi có thu nhập nhiều hơn thì vợ chồng anh trả nhiều hơn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 469 Bộ luật dân sự 2015, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Đ. Buộc chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Thành T có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị Đ một lần số tiền vay gốc là 260.000.000đ.

2- Án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong thời gian từ ngày 21/5/2021 cho đến ngày 29/9/2022 (tức ngày 24/10/2022 dương lịch) vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Thành T nhiều lần xác lập giao dịch vay tiền với bà Đặng Thị Đ số tiền vay gốc là 270.000.000đ, ngày 25/5/2022 vợ chồng chị M anh T đã trả số tiền 10.000.000đ nên số tiền vay gốc còn nợ là 260.000.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M anh Võ Thành T xác định hiện còn nợ bà Đ số tiền vay gốc 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) là phù hợp với đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Đ nên đây được coi là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy vợ chồng chị M anh T đã nhận tiền vay từ bà Đ nhưng đến thời hạn trả nợ thì chị M anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, để bảo vệ quyền lợi nên bà Đ khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị M anh T trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bà Đặng Thị Đ và vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Thành T thống nhất công nhận tiền lãi đã trả trước đây và không yêu cầu tính lại tiền lãi từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét sự thỏa thuận của bà Đ và vợ chồng chị M anh T là sự tự nguyện không vi phạm điều cấm của Luật, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự về quyền định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử công nhận. Do đó cần buộc vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Thành T có trách nhiệm thanh toán cho bà Đặng Thị Đ số tiền vay gốc là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

[3] Đối với yêu cầu của bà Đ, sau ngày xét xử sơ thẩm nếu vợ chồng chị M anh T chậm trả tiền thì yêu cầu tính tiền lãi là 2%/tháng là không chấp nhận mà tiền lãi chậm trả được tính 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4] Vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Thành T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ nhưng không được bà Đặng Thị Đ chấp nhận và không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu trả dần của vợ chồng chị M anh T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M anh Võ Thành T phải chịu án phí là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) [cách tính: (260.000.000đ x 5%)]. Bà Đặng Thị Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí và án phí.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 5, Điều 92, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Đ. Xác định vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Thành T còn nợ bà Đ số tiền vay gốc là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Buộc vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Thành T có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Đ số tiền vay gốc còn nợ là 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

3. Không chấp yêu cầu của vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Thành T xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng chị Võ Thị Ngọc M, anh Võ Thành T phải chịu án phí là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nếu không đồng ý bản án này có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Quyền, nghĩa vụ thi thành án:

6.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định
- VKSND TX. An Nhơn
- Chi cục THA TX. An Nhơn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mỹ Lệ